

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 26 - 6 - 2020.

V/v: *Tranh chấp ly hôn, nuôi con*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ, TỈNH QUẢNG TRỊ**

- Thành phần Hội Đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vũ Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Tuyết Nhung;

2. Ông Nguyễn Văn Kiệt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Việt Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Hoàng Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 36/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2020 về “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Minh T, sinh năm: 1987; địa chỉ: Khu phố Đ, phường L, thành phố H, tỉnh T, có mặt.

Bị đơn: Anh Trương Đức C, sinh năm: 1983; địa chỉ: Khu phố Đ, phường L, thành phố H, tỉnh T, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện; các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Minh T trình bày:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Minh T và anh Trương Đức C kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại UBND phường Đông Lương, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị vào ngày 02/7/2012. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, từ năm 2018 cho đến nay thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh C có hành vi bạo lực gia đình, nhiều lần chửi bới, lăng nhục, đánh đập chị T. Chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống không có hạnh phúc, không có khả năng đoàn tụ nên khởi kiện xin ly hôn anh với anh Trương Đức C.

Về con chung: Anh C và chị T có 02 người con chung là cháu Trương Đức Thiên L, sinh ngày 31/5/2012 và Trương Đức H, sinh ngày 05/9/2018; chị T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 cháu, yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản trình bày ý kiến ngày 03/3/2020, bị đơn anh Trương Đức C trình bày:

Anh C thừa nhận ý kiến trình bày của chị T về việc đăng ký kết hôn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, thực trạng tình cảm vợ chồng, con chung, tài sản chung và nợ chung là đúng. Anh C cho rằng trong cuộc sống vợ chồng không tránh khỏi được những mâu thuẫn, tuy nhiên những mâu thuẫn đó là nhỏ nhặt vợ chồng có thể khắc phục được, nên anh C mong muốn vợ chồng trở lại đoàn tụ để cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình:

- Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Minh T được ly hôn anh Trương Đức C.
- Về con chung: Giao cháu Trương Đức Thiên L, sinh ngày 31/5/2012 và cháu Trương Đức H, sinh ngày 05/9/2018 cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng.
- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu mỗi tháng 1.000.000 đồng. Mức cấp dưỡng trên là phù hợp với quy định của pháp luật nên có căn cứ chấp nhận.
- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết và xác định quan hệ “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” là đúng thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Trương Đức C cư trú tại khu phố Đ, phường L, thành phố H, tỉnh T nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố

Đông Hà, tỉnh Quảng Trị theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Trương Đức C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Minh T và anh Trương Đức C là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn cho đến nay. Theo trình bày của chị T cũng như kết quả xác minh của Tòa án tại chính quyền địa phương nơi chị T anh C đang sinh sống thì gia đình chị T anh C có mâu thuẫn trong hôn nhân, nguyên nhân do anh C có hành vi bạo lực gia đình, bất đồng quan điểm.

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập hòa giải theo quy định của pháp luật nhưng anh C không đến phiên tòa cũng như không có giải pháp cụ thể để hàn gắn tình cảm vợ chồng, điều đó thể hiện anh C không mong muốn đoàn tụ gia đình, bỏ mặc cuộc hôn nhân. Xét thấy, mâu thuẫn gia đình đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Minh T.

[3] Về con chung: Chị T có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trương Đức Thiên L, sinh ngày 31/5/2012 và cháu Trương Đức H, sinh ngày 05/9/2018. Xét thấy, nguyện vọng được chăm sóc nuôi dưỡng con chung sau ly hôn của chị T là hoàn toàn chính đáng. Anh C và chị T đều có nghề nghiệp ổn định, đủ điều kiện đảm bảo để chăm sóc, nuôi dưỡng các con. Tuy nhiên, anh C không đến phiên tòa cũng như không có ý kiến về việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Cháu Trương Đức Thiên L có nguyện vọng được ở với mẹ, vì bố làm nghề lái xe thường xuyên sống xa nhà nên không có thời gian chăm sóc cháu. Cháu Trương Đức H, sinh ngày 05/9/2018, hiện cháu dưới 36 tháng tuổi, cần sự chăm sóc dạy bảo của mẹ nhiều hơn. Để đảm bảo ổn định về tâm lý và sự phát triển toàn diện của các cháu nên giao cháu Trương Đức Thiên L, sinh ngày 31/5/2012 và cháu Trương Đức H, sinh ngày 05/9/2018 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu mỗi tháng 1.000.000 đồng. Mức cấp dưỡng trên là phù hợp với điều kiện của anh C và quy định của pháp luật nên có căn cứ chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí : Chị Nguyễn Thị Minh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Minh T với anh Trương Đức C (*Giấy chứng nhận kết hôn số 56, QS 01, ngày 02/7/2012*).

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Trương Đức Thiên L, sinh ngày 31/5/2012 và cháu Trương Đức H, sinh ngày 05/9/2018 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Trương Đức C cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ tháng 7/2020 cho đến khi cháu L, cháu H thành niên và có khả năng lao động nuôi sống bản thân. Anh Trương Đức C có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở thực hiện quyền này.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Minh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0000434 ngày 25/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị. Chị Nguyễn Thị Minh T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND TP. Đông Hà;
- CCTHADS TP. Đông Hà;
- UBND phường Đông Lương, TP. Đông Hà;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Vũ Xuân